TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2019/DS-PT
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp *"Đòi lại tài sản; Chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu;**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Ngoan;**

Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Trần Quang Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số180/2019/TLPT-DS ngày 03/7/2019 về việc tranh chấp: "*Đòi lại tài sản, chia di sản thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2019/QĐ-PT ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Thị Tuyết M** (Tiết M), sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. **Phạm Công S**, sinh năm 1950.

2. **Phạm Thị K**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp Tân X, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Phạm Thị N**, sinh năm 1949. Chết ngày 10/8/2019

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

+ Nguyễn Văn T1, sinh 1949

+ Nguyễn Thanh B, sinh 1977

+ Nguyễn Thanh L1, sinh 1981

+ Nguyễn Hồng C, sinh 1984

+ Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh 1974

Cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị Yến L3, sinh 1970

+ Nguyễn Thị Lệ T2, sinh 1972

Cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Phạm Thị T3**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. **Phạm Thị X**, sinh năm 1962.

4. **Phạm Thị T4**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Công S; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị N, Phạm Thị X, Phạm Thị T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Cha của bà M tên Phạm Công K, sinh năm 1918, mất năm 2006; mẹ của bà tên Trần Thị H, sinh năm 1927, mất năm 2012.

Sinh thời, cụ K và cụ H có 07 người con gồm: Phạm Thị N, sinh năm 1949; Phạm Công S, sinh năm 1950; Phạm Thị T3, sinh năm 1956; Phạm Thị X, sinh năm 1962; Phạm Thị T4, sinh năm 1968; Phạm Thị K, sinh năm 1970; Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1979.

Cha của bà qua đời không để lại di chúc nên phát sinh tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ K. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T có nội dung như sau:

"Anh Phạm Công S được quyền sử dụng nguyên thửa đất 472, diện tích 1.345 m^2 đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00149 ngày 01/11/2002 do ông Phạm Công K đứng tên quyền sử dụng (Hiện nay, anh S đang quản lý, sử dụng đất).

Anh S có nghĩa vụ giao lại cho bà H phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 1.000.000 đồng vào ngày 08/02/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Chị Phạm Thị K được quyền sử dụng nguyên thửa đất 937, diện tích 1.707 m^2 đất thổ và vườn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00149 ngày 01/11/2002

do ông Phạm Công K đứng tên quyền sử dụng (Hiện nay, chị K đang quản lý, sử dụng đất).

Chị K có nghĩa vụ giao lại cho bà H phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 11/3/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T".

Năm 2012, cụ H mất và cho đến nay ông S và bà K vẫn chưa thi hành phần nghĩa vụ bằng tiền của mình đối với cụ H.

Do hết thời hạn yêu cầu thi hành án nên bà M khởi kiện:

- Yêu cầu ông S giao trả 1.000.000 đồng và bà K giao trả 5.000.000 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H mà ông S và bà K chưa thi hành án.

- Yêu cầu chia số tiền 6.000.000 đồng trên làm 07 phần bằng nhau cho 07 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H. Bà M xin được nhận một phần số tiền là 857.142 đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị K trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, thì bà K có nghĩa vụ giao lại cho cụ H phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 11/3/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà K đã giao số tiền 5.000.000 đồng cho cụ H tại nhà, không đến Chi cục thi hành án dân sự huyện.

Nay bà K cũng đồng ý giao trả số tiền 5.000.000 đồng là phần tiền của cụ H để chia di sản thừa kế. Đồng thời, bà K xin nhận di sản thừa kế của cụ H là 1/7 của số tiền 6.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Phạm Công S trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, ông S được quyền sử dụng nguyên thửa đất 472, diện tích 1.345 m² đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00149 ngày 01/11/2002 do ông Phạm Công K đứng tên quyền sử dụng. Ông S có nghĩa vụ giao lại cho cụ H phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 1.000.000 đồng.

Đến nay ông S vẫn chưa thực hiện phần nghĩa vụ giao tiền của mình. Nay ông S không đồng ý trả lại số tiền 1.000.000 đồng. Lý do cụ H đã mất, ông cần sử dụng số tiền này để cúng giỗ ông bà. Đồng thời hiện nay thửa đất 937 còn lại khoảng 1.000 m², ông S yêu cầu để lại 150 m² làm đất mồ mả, do hiện nay trên phần đất này có phần mộ của cha mẹ ông và tiến hành chia di sản thừa kế đối với phần đất còn lại làm 07 phần bằng nhau. Ông S xin nhận một kỷ phần bằng hiện vật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X trình bày:*

Bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Bà X yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất 937; diện tích khoảng 1.000m²; làm 07 phần bằng nhau, bà X xin nhận 01 phần bằng hiện vật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T4 trình bày:*

Bà T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Bà T4 yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất 937; diện tích khoảng 1.000m² làm 07 phần bằng nhau, bà T4 xin nhận 01 phần bằng hiện vật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3 trình bày:*

Bà T thống nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế do cụ H để lại như lời trình bày của bà M. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Mai là chia di sản thừa kế do cụ H để lại là 6.000.000 đồng làm 07 kỷ phần bằng nhau. Bà T xin được nhận một kỷ phần số tiền là 857.142 đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:*

Bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Trường hợp phải chia di sản thừa kế do cụ H để lại, bà N yêu cầu chia thửa đất 937; diện tích khoảng 1.000 m² tọa lạc tại ấp Tân Xuân, xã T, huyện T làm 07 phần bằng nhau, bà N xin nhận 01 phần bằng hiện vật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 166; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M về việc đòi ông Phạm Công S và bà Phạm Thị K trả lại tiền cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị H.

Buộc ông Phạm Công S có trách nhiệm trả lại số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và bà Phạm Thị K trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị H gồm Phạm Thị N, Phạm Công S, Phạm Thị T3, Phạm Thị X, Phạm Thị T4, Phạm Thị K, Phạm Thị Tuyết M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Thị H đối với số tiền 6.000.000 đồng do ông S và bà K giao trả nêu trên. Cụ thể:

- Bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị Tuyết M mỗi người được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) do bà Phạm Thị K có trách nhiệm giao lại.

- Bà Phạm Thị X được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó bà Phạm Thị K có trách nhiệm giao lại số tiền 714.290 đồng và ông S có trách nhiệm giao lại số tiền 141.858 đồng cho bà X.

- Bà Phạm Thị K được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) hiện do bà đang quản lý.

- Ông Phạm Công S được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) hiện do ông đang quản lý.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/4/2019, bị đơn Phạm Công S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị N, Phạm Thị X, Phạm Thị T4 kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý chia bằng tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) chia đều cho bảy người; về tranh chấp 1.000m^2 đất thổ và vườn theo thửa số 937, bốn ông bà trên yêu cầu chia đều 1.000m^2 đất làm 07 phần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo Phạm Công S, Phạm Thị X, Phạm Thị T4 giữ nguyên kháng cáo không đồng ý chia 6.000.000 đồng; yêu cầu chia 1.000m^2 đất thổ và vườn cho 07 người. Riêng bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa bà đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà không có ý kiến về việc giải quyết vụ án đồng thời vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho đương sự tham gia vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung, di sản thừa kế của cụ H chết để lại 6.000.000 đồng, cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Công S và bà Phạm Thị K trả lại số tiền trên để chia đều cho các đồng thừa kế là có cơ sở, đúng pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo là bà Phạm Thị N chết, qua thu thập xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà N gồm có: Ông Nguyễn Văn T1 (chồng) cùng các con Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Thị Yến L3, Nguyễn Thị Lệ T2 và Nguyễn Thị Mỹ L2. Những người này đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là đòi lại tài sản và chia di sản thừa kế là có cở sở, đúng pháp luật bởi số tiền 6.000.000 đồng được xác định là di sản của cụ H, hiện do ông S và bà K giữ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được trả lại và chia đều cho các đồng thừa kế.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T có nội dung:

"Anh Phạm Công S được quyền sử dụng nguyên thửa đất 472, diện tích 1.345 m^2 đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00149 ngày 01/11/2002 do ông Phạm Công Ký đứng tên quyền sử dụng (Hiện nay, anh S đang quản lý, sử dụng đất).

Anh S có nghĩa vụ giao lại cho bà Hơn phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 1.000.000 đồng vào ngày 08/02/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Chị Phạm Thị K được quyền sử dụng nguyên thửa đất 937, diện tích 1.707 m^2 đất thổ và vườn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00149 ngày 01/11/2002 do ông Phạm Công K đứng tên quyền sử dụng (Hiện nay, chị K đang quản lý, sử dụng đất).

Chị K có nghĩa vụ giao lại cho bà H phần giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch bằng tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 11/3/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T".

Quyết định trên không bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Do đã quá 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án. Do vậy cơ quan Thi hành án không thể thụ lý cho thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, do không còn thời hiệu để thi hành.

Theo giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân xã T cấp thì cụ Trần Thị H chết vào ngày 07/11/2012. Tài sản của cụ H chết để lại trở thành di sản thừa kế. Theo xác nhận của Công an xã T ngày 17/8/2018, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H có 07 người

gồm: Phạm Thị N, Phạm Công S, Phạm Thị T3, Phạm Thị X, Phạm Thị T4, Phạm Thị K và Phạm Thị Tuyết M. Do ông S và bà K hiện đang giữ số tiền của cụ H mà theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T đã xác định. Tòa cấp sơ thẩm buộc hai người trên trả lại 6.000.000 đồng để chia thừa kế là có cơ sở, đúng pháp luật.

Số tiền 6.000.000 đồng hiện ông S giữ 1.000.000 đồng, bà K giữ 5.000.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H có 07 người. Cụ H qua đời không để lại di chúc, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có cơ sở. Như vậy mỗi đồng thừa kế được hưởng 875.142 đồng. Cụ thể sau khi cấn trừ bà K phải giao lại 4.142.858 đồng, ông S phải giao lại số tiền 141.858 đồng để chia cho các đồng thừa kế khác.

Đối với ý kiến của bị đơn Phạm Công S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, Phạm Thị T4, Phạm Thị X về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 937. Cấp sơ thẩm xác định ông S, bà T4, bà N, bà X chỉ trình bày ý kiến, không có đơn phản tố hay yêu cầu độc lập. Mặt khác, theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện T thì thửa đất 937 đã được chia thừa kế theo pháp luật bằng quyết định có hiệu lực pháp luật nên không thể xem xét giải quyết đối với yêu cầu trên.

Với những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử tại cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông S, bà T4, bà N, bà X không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã phân tích, đánh giá và đề nghị không chấp nhận kháng cáo là đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M về việc đòi ông Phạm Công S và bà Phạm Thị K trả lại tiền cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị H.

Buộc ông Phạm Công S có trách nhiệm trả lại số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và bà Phạm Thị K trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị H gồm Phạm Thị N, Phạm Công S, Phạm Thị T3, Phạm Thị X, Phạm Thị T4, Phạm Thị K, Phạm Thị Tuyết M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Thị H đối với số tiền 6.000.000 đồng do ông S và bà K giao trả nêu trên. Cụ thể:

- Bà Phạm Thị N (có những người kế thừa quyền lợi là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Yến L3 và Nguyễn Thị Lệ T2), bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị Tuyết M mỗi người được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) do bà Phạm Thị K có trách nhiệm giao lại.

- Bà Phạm Thị X được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó bà Phạm Thị K có trách nhiệm giao lại số tiền 714.290 đồng và ông S có trách nhiệm giao lại số tiền 141.858 đồng cho bà X.

- Bà Phạm Thị K được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) hiện do bà đang quản lý.

- Ông Phạm Công S được hưởng di sản thừa kế do cụ H để lại số tiền là 857.142 đồng (Tám trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng) hiện do ông đang quản lý.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Tuyết M, bà Phạm Thị T4, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N (có những người kế thừa quyền lợi là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Yến L3 và Nguyễn Thị Lệ T2) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Công S và bà Phạm Thị K chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Ông Phạm Công S chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về đòi lại tài sản, 300.000 đồng án phí chia di sản thừa kế và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông S đã tạm nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 49100 ngày 26/4/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về đòi lại tài sản và 300.000 đồng án phí về chia thừa kế.

- Bà Phạm Thị N (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Hồng C, Nguyễn Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị Yến L3, Nguyễn Thị Lệ T2), Phạm Thị T4, Phạm Thị X mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà N, bà T, bà T4 và bà X mỗi người đã tạm nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 49099, 49101, 49102 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Phạm Thị T3 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế.

- Bà Phạm Thị Tuyết M chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế. Bà M đã tạm nộp 600.000 đồng theo các biên lai số 48912 ngày 31/8/2018 và biên lai số 48988 ngày 01/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Trung Hiếu